TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 218/2021/QĐST- KDTM	*Đông Anh, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 228/2021/TLST- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Qbank).

Trụ sở: Số xxx BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị N. Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Theo Quyết định số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Q).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Dư Văn G, bà Hoàng Thị Minh P, ông Trần Trọng H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Theo Giấy ủy quyền số 321-03/2021/UQ – TCB ngày 04/5/2021 của Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q).

Bị đơn: 1. Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1993.

2. Anh Ngô Văn T, sinh năm 1990

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lan H là chồng chị: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1963.
2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968.
3. Cháu Ngô Thị Bích N1, sinh năm 2016.
4. Cháu Ngô Quang V1, sinh năm 2019.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu V là bố mẹ đẻ của cháu: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1993; Anh Ngô Văn T, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn T1 là vợ ông: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Q (Qbank) và anh Ngô Văn T, chị Nguyễn Thị Lan H đã ký Hợp đồng tín dụng số: PLO2015784/HĐTD ngày 22/6/2015 và Khế ước nhận nợ số PLO2015784 01 ngày 10/7/2015 với nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Hộ kinh doanh vay món.
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.
- Lãi suất vay: lãi suất vay áp dụng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận nợ là 10,92%/năm, lãi suất áp dụng đối với các khoản nợ cho thời gian tiếp theo sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở hộ kinh doanh vay món dài hạn (+) biên độ 3,29%/năm nhưng

không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của anh Ngô Văn T, chị Nguyễn Thị Lan H tại Ngân hàng TMCP Q, anh T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2 thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 244597, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1035.QĐ – UBND.2013/CH.00036.2013 ngày 17/4/2013 đứng tên anh Ngô Văn T theo Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3xx/HĐTC/2015 ngày 08/7/2015 tại Văn phòng số 5, thành phố Hà Nội. Tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự thống nhất xác định tính đến ngày 07/12/2021, tổng số tiền anh T, chị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q là: 1.222.590.105 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn, một trăm linh năm đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 608.337.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 217.905.439 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 263.456.287 đồng.
- Lãi phạt: 132.891.379 đồng.

Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu đối với yêu cầu tính phạt vi phạm hợp đồng là 56.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi phạt đối với anh T, chị H với số tiền là: 132.891.379 đồng nên số tiền anh T, chị H còn nợ và phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: PLO2015784/HĐTD ngày 22/6/2015 và Khế ước nhận nợ số PLO2015784 01 ngày 10/7/2015, tính đến ngày 07/12/2021 là: 1.089.698.726 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), gồm:

- Nợ gốc: 608.337.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 217.905.439 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 263.456.287 đồng.

Và tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất trên số nợ gốc kể từ ngày 08/12/2021 mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: PLO2015784/HĐTD ngày 22/6/2015 và Khế ước nhận nợ số PLO2015784 01ngày 10/7/2015 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Thời gian chậm nhất anh T, chị H phải có nghĩa vụ tất toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: PLO2015784/HĐTD ngày 22/6/2015 và Khế ước nhận nợ số PLO2015784 01ngày 10/7/2015 tại Ngân hàng là ngày 07/5/2022.

Nếu hết ngày 07/5/2022 mà anh Th, chị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: PLO2015784/HĐTD ngày 22/6/2015 và Khế ước nhận nợ số PLO2015784 01 ngày 10/7/2015 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án hoặc văn phòng thừa phát lại kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2 thôn TL, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 244597, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1035.QĐ – UBND.2013/CH.00036.2013 ngày 17/4/2013 đứng tên anh Ngô Văn T theo Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3xx/HĐTC/2015 ngày 08/7/2015 tại Văn phòng số 5, thành phố Hà Nội để thu hồi toàn bộ khoản nợ của anh Thành, chị Hương. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Kể từ thời điểm có thỏa thuận này, nếu anh T, chị H nộp tiền thanh toán khoản nợ với Ngân hàng thì số tiền anh chị nộp vào sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 44.690.961 đồng (Bốn mươi tư triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, chín trăm sáu mươi mốt đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 1/2 = 22.345.480 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Lan H chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Lan H chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Lan H phải nộp 22.345.480 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng anh T, chị H đều là thành viên của hộ gia đình được chứng nhận là hộ cận nghèo, có yêu cầu xin miễn giảm tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Lan H không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 23.658.000 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0045xxx ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh